

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2018/HSST

Ngày : 30/01/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông DƯƠNG HẢI LONG

2/. Ông HA TÔNG

- **Thư ký phiên tòa:** Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông TRẦN MINH TIỀN - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 30 tháng 01 năm 2018. tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/HSST ngày 09 tháng 01 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/QĐ-HSST ngày 17 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

TRỊNH QUANG D, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1977. Nơi sinh: Đắc Lắc; Nơi ĐKNKTT: 70 đường N, thành phố B, Đắc Lắc. Chỗ ở: 7F đường N, Phường 9, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Lớp 11/12. Con ông: Trịnh Văn Đ (chết); Con bà: Bùi Thị L (chết). Vợ: Nguyễn Thùy D, sinh năm 1989, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017. Hiện ở tại: 7F đường N, Phường 9, thành phố Đ, Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 232/2008/HSPT ngày 24/10/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/11/2009, chấp hành xong các quyết định khác của bản án tháng 8/2009; Bị bắt, tạm giam ngày 06/9/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013 Trịnh Quang D từ Đắc Lắc đến thành phố Đ, Lâm Đồng làm thuê, đến năm 2016 D bắt đầu sử dụng và là đối tượng nghiện chất ma túy (Methamphetamine). Ngày 05/9/2017, thông qua dịch vụ vận chuyển hàng hóa của nhà xe T, Đ, D đã sử dụng Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Viết T (do D nhật được) và số điện thoại 0962146414 để gửi số tiền 10.000.000 đồng xuống Thành phố H cho một người tên T (không rõ lai lịch, địa chỉ) nhờ T mua giúp ma túy đá. Đến

ngày 06/9/2017, sau khi mua ma túy cho D, T đã gửi ma túy qua dịch vụ vận chuyển hàng hóa của nhà xe T từ Thành phố H lên Đ cho D. Khoảng 10 giờ ngày 06/9/2017, khi nhân viên giao hàng của nhà xe T đến nhà của D tại số 7F đường N, Phường 9, thành phố Đ để giao gói hàng, D nhờ vợ là Nguyễn Thùy D ra nhận hàng. Khi D vừa nhận xong gói hàng từ nhân viên của nhà xe T thì bị Công an thành phố Đ phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng, lúc nhận hàng chị D không biết trong gói hàng đựng vật gì. Tiếp tục khám xét nơi ở của D, Công an thành phố Đ thu giữ thêm 01 gói nilon bên trong đựng chất ở dạng tinh thể màu trắng, nghi là ma túy, D khai đã mua trước đó để sử dụng.

Tại Kết luận giám định số 1220/GĐ-PC54 ngày 08/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu tinh thể đựng trong 02 gói nilon được niêm phong gửi giám định (thu trong thùng hàng gửi qua nhà xe T), có khối lượng 19,8183 gam và mẫu tinh thể đựng trong 01 gói nilon được niêm phong (thu giữ tại nơi ở của D) có khối lượng 0,6512 gam đều là Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy, nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Quang D khai nhận vào ngày 05/9/2017 bị cáo đã có hành vi mua Methamphetamine của một đối tượng tên T, không rõ lai lịch ở Thành phố H, sau đó tàng trữ để sử dụng và đến khoảng 10 giờ ngày 06/9/2017, khi bị cáo vừa nhờ vợ nhận giúp 02 gói ma túy do T gửi từ Thành phố H lên thì bị Công an thành phố Đ, Lâm Đồng bắt giữ, đồng thời thu giữ thêm một gói ma túy khác D đã mua và tàng trữ trước đó với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 09/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Trịnh Quang D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa bị cáo Trịnh Quang D đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của bị cáo tàng trữ 20,4695 gam Methamphetamine có đủ các yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 điều 249; điểm s, t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trịnh Quang D từ 06 đến 07 năm tù và phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Quang D: Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy, trong đó có Methamphetamine, một loại ma túy tổng hợp là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo mua và tàng trữ 20,4695 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Biên bản phạm tội quả tang, lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trịnh Quang D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, căn cứ khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, lẽ ra điều luật áp dụng để xét xử bị cáo là điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng do điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định mức hình phạt đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có mức hình phạt nặng hơn qui định tại điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 nên căn cứ khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, áp dụng điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo tàng trữ ma túy với khối lượng 20,4695 gam Methamphetamine. Đây là tình tiết định khung tăng nặng qui định tại điểm g khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. .

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo đã từng có tiền án về tội Trộm cắp tài sản và bị phạt tù giam, nhưng đã được đương nhiên xóa án cách ngày phạm tội mới đã 6 năm nên không có tình tiết tăng nặng nào theo qui định của Bộ luật hình sự mà chỉ là tình tiết về nhân thân để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Trong quá trình bị tạm giam bị cáo đã tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện và bắt giữ một số đối tượng đang bị tạm giam có hành vi “Trốn khỏi nơi giam giữ”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt qui định tại điểm s, t khoản 1 điều 51, cần áp dụng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về áp dụng hình phạt bổ sung:

Xét hiện không xác định được bị cáo có nguồn thu nhập gì từ việc Tàng trữ trái phép chất ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng :

Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm có:

+ Hai phong bì đã được niêm phong, trong đựng vật chứng còn lại sau giám định và bao gói vật chứng trước khi giám định, một bình có gắn ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy, một vỏ hộp giấy carton màu trắng, xét không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy;

+ Giao lại cho Công an thành phố Đ, Lâm Đồng để xử lý theo thẩm quyền một Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Việt T (bị cáo khai do nhặt được).

+ Một Chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Quang D, là giấy tờ tùy thân của bị cáo xét không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

+ Một điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (đã qua sử dụng, không có sim card), là phương tiện bị cáo dùng liên lạc để mua ma túy, cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Trịnh Quang D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2]. Áp dụng điểm g khoản 2 điều 249; điểm s, t khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trịnh Quang D 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2017.

[3]. Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 02 phong bì đã niêm phong đựng vật chứng còn lại sau giám định và bao gói vật chứng trước khi giám định; 01 bình có gắn ống thủy tinh dùng để sử dụng ma túy; 01 vỏ hộp giấy carton màu trắng.

+ Giao cho Công an thành phố Đ, Lâm Đồng 01 Chứng minh nhân dân mang tên Bùi Việt T để xử lý theo thẩm quyền.

+ Trả lại cho bị cáo 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Quang D.

+ Tịch thu để sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen (đã qua sử dụng, không có sim card).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/01/2018 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

[4]. Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng (02);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Biện pháp theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình